



Thứ tư, ngày 13 tháng 2 năm 2019

Vietnam Daily Review

Thanh khoản tích cực

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 14/2/2019		•	
Tuần 11/2-15/2/2019		•	
Tháng 2/2019		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index biến động và tăng nhẹ trong phiên sáng, đã tăng được cải thiện trong phiên chiều.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VCB (+1.35 điểm); MSN (+1.27 điểm); GAS (+1.16 điểm); HPG (+0.9 điểm); PLX (+0.55 điểm)
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm SAB (-0.33 điểm); VJC (-0.23 điểm); VIC (-0.09 điểm); VPI (-0.04 điểm); POW (-0.03 điểm)
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu tài nguyên cơ bản và hóa chất, thanh khoản tăng nhẹ so với phiên trước.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 3736.3 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 7.91 điểm. Thị trường có 193 mã tăng và 100 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 7.71 điểm, đóng cửa tại 945.25 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index tăng 0.45 điểm lên 106.49 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 237.5 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã CTI (69.05 tỷ), VCB (58.62 tỷ) và DXG (15.18 tỷ). Cùng lúc đó, họ mua ròng 7.66 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Trong phiên sáng, chỉ số VN-Index biến động và tăng nhẹ do dòng tiền vào mạnh các cổ phiếu bluechips như GAS, MSN, HPG, PLX, MWG và nhóm ngân hàng như VCB, VPB, TCB, HDB. Trong phiên chiều, chỉ số tiếp tục có mức tăng nhẹ so với phiên sáng do lực mua tiếp tục tăng ở các mã VCB, MSN và GAS cũng như đà giảm của VIC bị thu hẹp và sự quay đầu tăng điểm của VNM. Khối ngoại mua ròng mạnh và thanh toán khoản tiếp tục có sự cải thiện trong phiên hôm nay. Theo quan điểm của BSC, thị trường tiếp tục có phiên tăng điểm với tâm lý thị trường có sự cải thiện đáng kể so với trước kỳ nghỉ tết. Nhà đầu tư nên theo dõi các diễn biến vĩ mô quốc tế cùng các KQKD năm 2018 của các công ty để xem xét mở vị thế giao dịch.

Phân tích kỹ thuật:

FPT_Tăng giá ngắn hạn

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX

945.25

Giá trị: 3736.3 tỷ

7.71 (0.82%)

Khối ngoại (ròng): 237.5 tỷ

HNX-INDEX

106.49

Giá trị: 402.95 tỷ

0.45 (0.42%)

Khối ngoại (ròng): 7.76 tỷ

UPCOM-INDEX

55.80

Giá trị: 243.8 tỷ

0.16 (0.29%)

Khối ngoại(ròng): 853.68 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	53.8	1.24%
Giá vàng	1,313	0.19%
Tỷ giá USD/VND	23,203	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	26,268	0.69%
Tỷ giá JPY/VND	20,949	-0.23%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	3.7%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	132.5	VHM	137.4
MSN	120.9	HDB	61.6
CTI	69.1	LDG	17.9
STB	27.1	CII	15.9
DXG	15.2	BID	14.2

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường

Trang 1

Phân tích kỹ thuật

Trang 2

Danh mục khuyến nghị

Trang 3

Cổ phiếu lớn

Trang 4

Thống kê thị trường

Trang 5

Báo cáo mới nhất

Trang 6

Khuyến cáo sử dụng

Trang 7

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

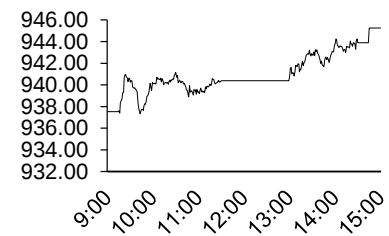
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
SAB	1.2	236.1	231.15	233.20	MUA	Tăng giá trong dài hạn
VNM	4.6	138.3	134.54	120.00	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
CTD	0.9	133.9	131.80	130.50	MUA	Giảm giá kéo dài
VJC	3.5	124.5	121.46	113.10	NGỪNG MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VIC	3.9	109.0	99.49	98.80	MUA	Tăng giá kéo dài
PNJ	1.6	97.6	92.12	86.40	MUA	Tăng giá kéo dài
GAS	2.3	93.0	86.69	87.50	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
VHC	0.5	93.0	90.29	88.40	NGỪNG BÁN	Giảm giá trong trung hạn
MWG	4.5	86.2	82.35	82.00	MUA	Hồi phục giá trong ngắn hạn
MSN	5.0	85.9	76.06	77.50	MUA	Tăng giá kéo dài

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

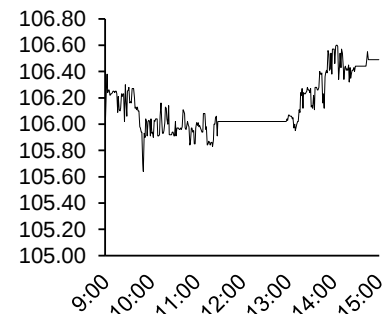
Phân tích kỹ thuật

FPT_Tăng giá ngắn hạn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá ngắn hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD vượt đường trung tâm và hướng lên.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên.
- Đường MA: MA20 có xu hướng cắt lên MA50 và MA200.

Nhận định: FPT đang nằm trong kênh giá tích lũy trung hạn 40-46 từ tháng 08/2017. Xu hướng hồi phục ngắn hạn trong các phiên gần đây khá mạnh với mức thanh khoản vượt trung bình 20 phiên. Điều này sẽ khiến cổ phiếu sẽ kiểm tra lại ngưỡng giá kháng cự 46 trong các phiên giao dịch tới, Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều duy trì xu hướng tăng khá mạnh khi đã phá vỡ của RSI mạnh cùng với khoảng cách nở rộng của đường MACD và đường tín hiệu. Nhịp vận động của 3 đường MA cho thấy cổ phiếu đang trong đà hồi phục ngắn hạn. Như vậy, FPT sẽ kiểm tra lại ngưỡng giá 46 trong các phiên giao dịch tới. Mở vị thế mua tại giá 46 khi và chỉ khi cổ phiếu vượt ngưỡng này với bước giá tăng rộng và thanh khoản lớn.



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1902	894.5	1.1%	15.5%
VN30F1903	891.8	1.0%	27.2%
VN30F1906	892.9	21.1%	21.1%
VN30F1909	890.6	1.0%	-43.8%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	86	4.4	2.6
HPG	31	4.8	2.5
EIB	19	2.8	0.7
MWG	86	1.9	0.6
VCB	60	2.1	0.6

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VJC	125	-1	-0.5
SAB	236	-1	-0.2
VIC	109	0	-0.1
CTD	134	-1	0.0
CTG	21	0	0.0



Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	34.95	6.9%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	15.20	20.6%	11.6	14.5
3	PTB	10/4/2018	64.00	59.20	-7.5%	58.9	73.6
4	PVD	9/1/2019	15.50	17.15	10.6%	14.3	17.8
5	VJC	25/1/2019	122.50	124.50	1.6%	112.7	140.9
Trung bình					7.7%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	HCM	18/09/2017	41.9	51.10	22.0%	39.8	50.3
Trung bình					22.0%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	TCB	31/10/2018	26.9	27.6	2.4%	25.0	30.0
2	POW	12/4/2018	15.6	16.9	8.0%	14.4	18.7
Trung bình					5.2%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	86.2	1.9%	0.7	1,661	4.5	6,696	12.9	4.3	49.0%	38.7%	
PNJ	Bán lẻ	97.6	0.8%	1.0	709	1.6	5,874	16.6	4.4	49.0%	28.7%	
BVH	Bảo hiểm	96.5	1.5%	1.3	2,941	0.5	1,519	63.5	4.6	24.8%	7.3%	
PVI	Bảo hiểm	32.8	-0.6%	0.8	330	0.0	2,234	14.7	1.1	43.9%	7.6%	
VIC	Bất động sản	109.0	-0.1%	1.0	15,126	3.9	1,126	96.8	6.2	9.3%	8.0%	
VRE	Bất động sản	30.4	2.4%	1.1	3,078	2.6	1,033	29.4	2.5	31.8%	8.8%	
NVL	Bất động sản	57.5	0.0%	0.8	2,326	1.1	3,452	16.7	2.8	6.9%	20.1%	
REE	Bất động sản	35.0	0.3%	1.1	471	1.1	5,754	6.1	1.2	49.0%	20.6%	
DXG	Bất động sản	24.8	0.4%	1.5	377	1.9	3,415	7.3	1.7	48.3%	26.7%	
SSI	Chứng khoán	27.2	0.2%	1.3	602	2.8	2,611	10.4	1.5	57.3%	14.8%	
VCI	Chứng khoán	38.3	3.9%	1.0	271	0.4	5,047	7.6	1.7	40.9%	24.7%	
HCM	Chứng khoán	51.1	0.6%	1.4	288	1.4	5,213	9.8	2.2	60.9%	23.1%	
FPT	Công nghệ	44.6	1.5%	0.9	1,188	2.2	3,902	11.4	2.2	49.0%	21.9%	
FOX	Công nghệ	50.5	1.0%	0.4	497	0.0	3,453	14.6	3.8	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	93.0	2.2%	1.5	7,739	2.3	6,216	15.0	3.9	3.5%	27.8%	
PLX	Dầu khí	57.1	2.5%	1.5	2,877	4.8	3,203	17.8	3.2	10.7%	18.1%	
PVS	Dầu khí	19.7	3.1%	1.7	409	4.3	2,185	9.0	0.8	22.1%	9.5%	
BSR	Dầu khí	14.1	3.7%	0.8	1,901	1.7	#N/A	N/A	N/A	N/A	41.1%	23.0%
DHG	Dược	86.1	0.9%	0.5	489	0.4	4,448	19.4	3.6	46.9%	19.8%	
DPM	Hóa chất	23.5	3.8%	0.8	399	1.4	1,551	15.1	1.1	22.8%	8.8%	
DCM	Hóa chất	9.2	2.6%	0.7	212	0.5	1,115	8.3	0.8	3.7%	9.5%	
VCB	Ngân hàng	59.8	2.0%	1.3	9,643	4.8	4,070	14.7	3.4	23.3%	25.2%	
BID	Ngân hàng	32.5	0.2%	1.6	4,831	2.2	2,152	15.1	2.2	3.1%	15.1%	
CTG	Ngân hàng	20.9	0.0%	1.7	3,375	6.9	1,456	14.3	1.2	29.5%	8.3%	
VPB	Ngân hàng	21.5	0.7%	1.2	2,297	3.2	3,025	7.1	1.5	23.2%	22.8%	
MBB	Ngân hàng	22.0	0.0%	1.3	2,067	7.5	2,829	7.8	1.5	20.0%	20.1%	
ACB	Ngân hàng	30.5	0.0%	1.2	1,654	2.8	4,119	7.4	1.8	34.3%	27.7%	
BMP	Nhựa	50.8	5.4%	0.9	181	0.4	5,230	9.7	1.7	76.5%	17.5%	
NTP	Nhựa	40.5	0.0%	0.4	157	0.0	3,715	10.9	1.6	23.0%	15.3%	
MSR	Tài nguyên	19.5	2.6%	1.2	762	0.1	229	85.2	1.5	2.1%	1.8%	
HPG	Thép	30.9	4.7%	1.0	2,853	14.6	4,037	7.7	1.6	38.7%	23.6%	
HSG	Thép	7.4	6.9%	1.5	124	2.7	355	21.0	0.6	15.8%	2.6%	
VNM	Tiêu dùng	138.3	0.2%	0.7	10,471	4.6	5,294	26.1	9.3	59.6%	37.5%	
SAB	Tiêu dùng	236.1	-0.7%	0.8	6,583	1.2	6,334	37.3	10.1	9.8%	29.4%	
MSN	Tiêu dùng	85.9	4.4%	1.2	4,344	5.0	4,578	18.8	3.4	40.5%	22.2%	
SBT	Tiêu dùng	20.0	0.0%	0.6	457	1.2	290	69.0	1.7	11.3%	2.8%	
ACV	Vận tải	86.0	1.2%	0.8	8,140	0.2	1,883	45.7	6.8	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	124.5	-1.1%	1.1	2,932	3.5	9,632	12.9	4.8	22.7%	42.6%	
HVN	Vận tải	41.0	3.5%	1.7	2,528	2.4	1,727	23.7	3.4	10.9%	14.6%	
GMD	Vận tải	27.5	4.4%	0.9	355	2.4	6,153	4.5	1.4	49.0%	29.4%	
PVT	Vận tải	17.5	0.9%	0.7	214	0.3	2,281	7.7	1.2	33.2%	16.7%	
VCS	Vật liệu xây dựng	62.0	0.3%	1.0	423	0.2	6,057	10.2	3.6	2.5%	43.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	20.2	-1.0%	0.9	394	2.2	1,179	17.1	1.5	25.1%	8.7%	
HT1	Vật liệu xây dựng	15.2	-1.0%	0.8	252	0.2	1,690	9.0	1.1	5.9%	12.5%	
CTD	Xây dựng	133.9	-0.5%	0.8	439	0.9	18,357	7.3	1.3	46.9%	18.8%	
VCG	Xây dựng	25.3	-0.8%	1.3	486	1.2	1,021	24.8	1.7	0.0%	7.5%	
CII	Xây dựng	23.5	0.9%	0.5	253	1.1	334	70.4	1.2	54.2%	1.6%	
POW	Điện	16.9	-0.3%	0.6	1,716	2.9	716	23.5	1.6	15.3%	6.8%	
NT2	Điện	29.4	1.2%	0.6	368	0.7	2,618	11.2	2.3	22.6%	17.6%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	59.80	2.05	1.36	1.85MLN
MSN	85.90	4.37	1.28	1.36MLN
GAS	93.00	2.20	1.17	571680.00
HPG	30.90	4.75	0.91	11.08MLN
PLX	57.10	2.51	0.55	1.94MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	19.70	3.14	0.15	5.15MLN
DGC	44.00	4.27	0.12	143600.00
PGS	35.00	6.06	0.07	61400.00
VGS	11.00	7.84	0.03	300600.00
KLF	1.90	5.56	0.02	372300.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	236.10	-0.71	-0.33	118000.00
VJC	124.50	-1.11	-0.23	643080.00
VIC	109.00	-0.09	-0.10	822040.00
VPI	40.20	-2.07	-0.04	369360.00
POW	16.85	-0.30	-0.04	3.92MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
AMV	32.80	-7.61	-0.05	18000.00
VGC	20.20	-0.98	-0.04	2.47MLN
PVX	0.90	-10.00	-0.02	341900.00
VCG	25.30	-0.78	-0.01	1.13MLN
S99	7.20	-4.00	-0.01	1600.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NKG	7.04	6.99	0.03	1.12MLN
GIL	41.40	6.98	0.02	179100.00
HTL	19.95	6.97	0.01	4440.00
SII	19.20	6.96	0.03	20.00
DAT	11.55	6.94	0.01	20.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.90	12.50	0.00	17700.00
ADC	17.60	10.00	0.00	100.00
BED	25.30	10.00	0.00	100.00
CTC	4.40	10.00	0.00	100.00
NBP	13.20	10.00	0.00	200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PNC	18.00	-6.98	-0.01	160.00
SSC	62.80	-6.96	-0.02	780.00
VTB	15.65	-6.85	0.00	310.00
TGG	2.73	-6.83	0.00	569320.00
CLG	2.49	-6.39	0.00	25500.00

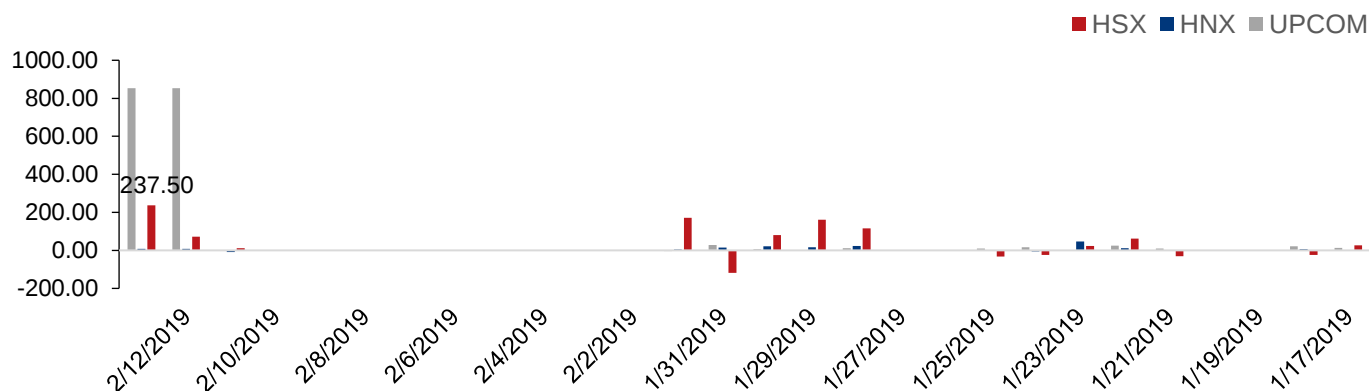
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	0.70	-12.50	0.00	12900.00
PVX	0.90	-10.00	-0.02	341900.00
VDL	26.10	-10.00	-0.01	100.00
V21	10.60	-9.40	-0.01	100.00
PDC	5.00	-9.09	0.00	3100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click	
8	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
12	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
13	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
14	Vĩ mô 2018M5_P phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
15	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
16	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
17	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	VHC	Thủy sản	Theo dõi	20/12/2018	85.9	108.6	93.0	15,644	5.9	2.1	Click	
2	CSV	Hóa chất	Mua	19/12/2018	29.9	36.6	29.0	5,695	5.1	1.6	Click	
3	CMG	Công nghệ	Theo dõi	13/12/2018	24.4	27.0	29.1	1,224	23.8	2.1	Click	
4	VSC	Cảng biển	Mua	12/12/2018	42.6	50.4	44.5	5,995	7.4	1.4	Click	
5	KBC	Bất động sản	Mua	13/12/2018	14.5	18.1	14.4	1,591	9.0	0.7	Click	
6	HPG	Thép	Nắm giữ	11/12/2018	33.8	38.0	30.9	4,037	7.7	1.6	Click	
7	PVT	Vận tải	Mua	28/11/2018	16.1	21.7	17.5	2,281	7.7	1.2	Click	
8	MWG	Bán lẻ	Mua	22/11/2018	84.8	124.0	86.2	6,696	12.9	4.3	Click	
9	BMP	Nhựa	Nắm giữ	20/11/2018	55.3	60.8	50.8	5,230	9.7	1.7	Click	
10	VNM	Thực phẩm	Theo dõi	19/11/2018	115.0	124.3	138.3	5,294	26.1	9.3	Click	
11	PNJ	Bán lẻ	Mua	15/11/2018	93.5	130.7	97.6	5,874	16.6	4.4	Click	
12	FPT	Công nghệ	Mua	14/11/2017	41.7	59.1	44.6	3,902	11.4	2.2	Click	
13	DRC	Cao su	Mua	14/11/2018	21.3	27.2	22.1	1,167	18.9	1.7	Click	
14	TCM	Dệt may	Nắm giữ	13/11/2018	25.5	26.6	29.0	4,070	7.1	1.2	Click	
15	ANV	Thủy sản	Theo dõi	11/2/2018	25.9	28.3	28.6	4,811	5.9	1.9	Click	
16	CTD	Xây dựng	Mua	11/5/2018	151.5	177.9	133.9	18,357	7.3	1.3	Click	
17	HDG	Bất động sản	Mua	10/9/2017	38.3	50.2	37.2	7,493	5.0	2.0	Click	
18	GMD	Cảng biển	Mua	10/5/2018	28.4	36.8	27.5	6,153	4.5	1.4	Click	
19	EVE	Dệt may	Nắm giữ	10/2/2018	16.0	18.2	15.7	1,929	8.1	0.7	Click	
20	RAL	Tiêu dùng	Mua	21/9/2018	103.8	124.2	82.4	17,772	4.6	1.2	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

